



TỔNG QUAN VỀ ĐBCL VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GDĐH VÀ TCCN Ở VIỆT NAM

Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD

ĐT: 0439747108, Email: kiemdinh.dhtccn@moet.edu.vn

NỘI DUNG CHÍNH

- ❖ Tổng quan về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục
- ❖ Kiểm định chất lượng GDĐH và TCCN ở Việt Nam, một số đổi mới trong cách tiếp cận



TỔNG QUAN

Một số vấn đề trao đổi:

- **Chất lượng**
- **Các mô hình quản lý chất lượng**
- **Đảm bảo chất lượng (ĐBCL)**
- **Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD)**



CHẤT LƯỢNG



CHẤT LƯỢNG LÀ GÌ?

- ❖ Là một khái niệm có ý nghĩa tùy quan niệm của người hưởng lợi ở một thời điểm nhất định và theo các tiêu chí (mục đích, mục tiêu) đã được đề ra tại thời điểm đó.
- ❖ Có nhiều khái niệm và cách tiếp cận, mỗi người có ưu tiên khác nhau khi xem xét về chất lượng giáo dục của 1 CSGD (GV/SV/Nhà quản lý/Người sử dụng LĐ...)



CHẤT LƯỢNG (tt)

6 quan niệm thường gặp

Chất lượng được đánh giá bằng:

1. Đầu vào
2. Đầu ra
3. Giá trị gia tăng
4. Giá trị học thuật
5. Văn hoá tổ chức
6. Kiểm toán



CHẤT LƯỢNG (tt)

5 quan niệm khác

Chất lượng được coi là

1. Sự vượt trội;
2. Sự hoàn hảo nhất quán;
3. Đo bằng tính đáng giá đồng tiền;
4. Giá trị chuyển đổi;
5. Sự phù hợp với mục tiêu.



CHẤT LƯỢNG (tt)

Quan niệm của INQAAHE (Mạng lưới quốc tế các tổ chức ĐBCL GDĐH)



- **Tuân theo các chuẩn quy định:** Cần có các bộ tiêu chí đánh giá CL
- **Đạt được các mục tiêu đề ra:** Mục tiêu được xác lập dựa trên yêu cầu của xã hội và điều kiện của nhà trường



CHẤT LƯỢNG (tt)

Quan niệm của Việt Nam

(phù hợp với INQAAHE)

“Chất lượng giáo dục trường” là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của CSGD, đáp ứng các yêu cầu của Luật GD, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật GD, Luật GDĐH, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước

(Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT)



CHẤT LƯỢNG (tt)

Luật giáo dục (trích)

Điều 33. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp

- Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.
- **Trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc.**
- Dạy nghề nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo.

Điều 39. Mục tiêu của giáo dục đại học

- 1. Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- **2. Đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.**
- **3. Đào tạo trình độ đại học giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.**
- 4. Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.
- 5. Đào tạo trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.



CHẤT LƯỢNG (tt)

Luật giáo dục ĐH (trích)

Điều 5. Mục tiêu của giáo dục đại học

1. Mục tiêu chung:

- a) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- b) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:

- a) Đào tạo trình độ cao đẳng để sinh viên có kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo;
- b) Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;
- c) Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo;
- d) Đào tạo trình độ tiến sĩ để nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.



CHẤT LƯỢNG (tt)

So sánh mục tiêu

Luật GD 2005

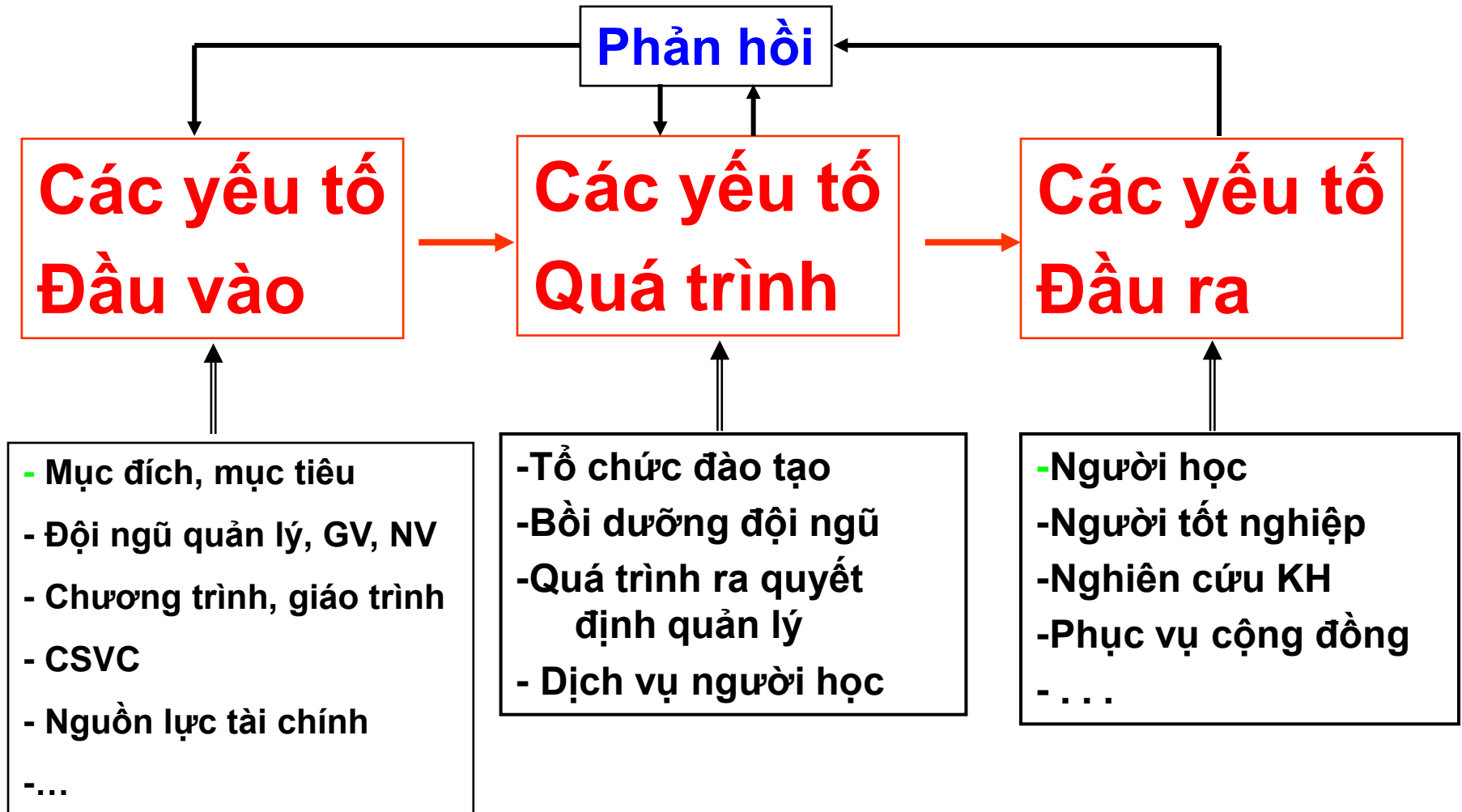
- Đào tạo trình độ **CD** giúp SV có kiến thức chuyên môn và **kỹ năng thực hành cơ bản** để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.
- Đào tạo trình độ **ĐH** giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và **có kỹ năng thực hành thành thạo**, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được ĐT

Luật GDĐH 2012

- Đào tạo trình độ **CD** để SV có kiến thức chuyên môn **cơ bản**, **kỹ năng thực hành thành thạo**, **hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn** và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo
- Đào tạo trình độ **ĐH** để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, **nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội**, **có kỹ năng thực hành cơ bản**, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo



CÁC YẾU TỐ CHẤT LƯỢNG

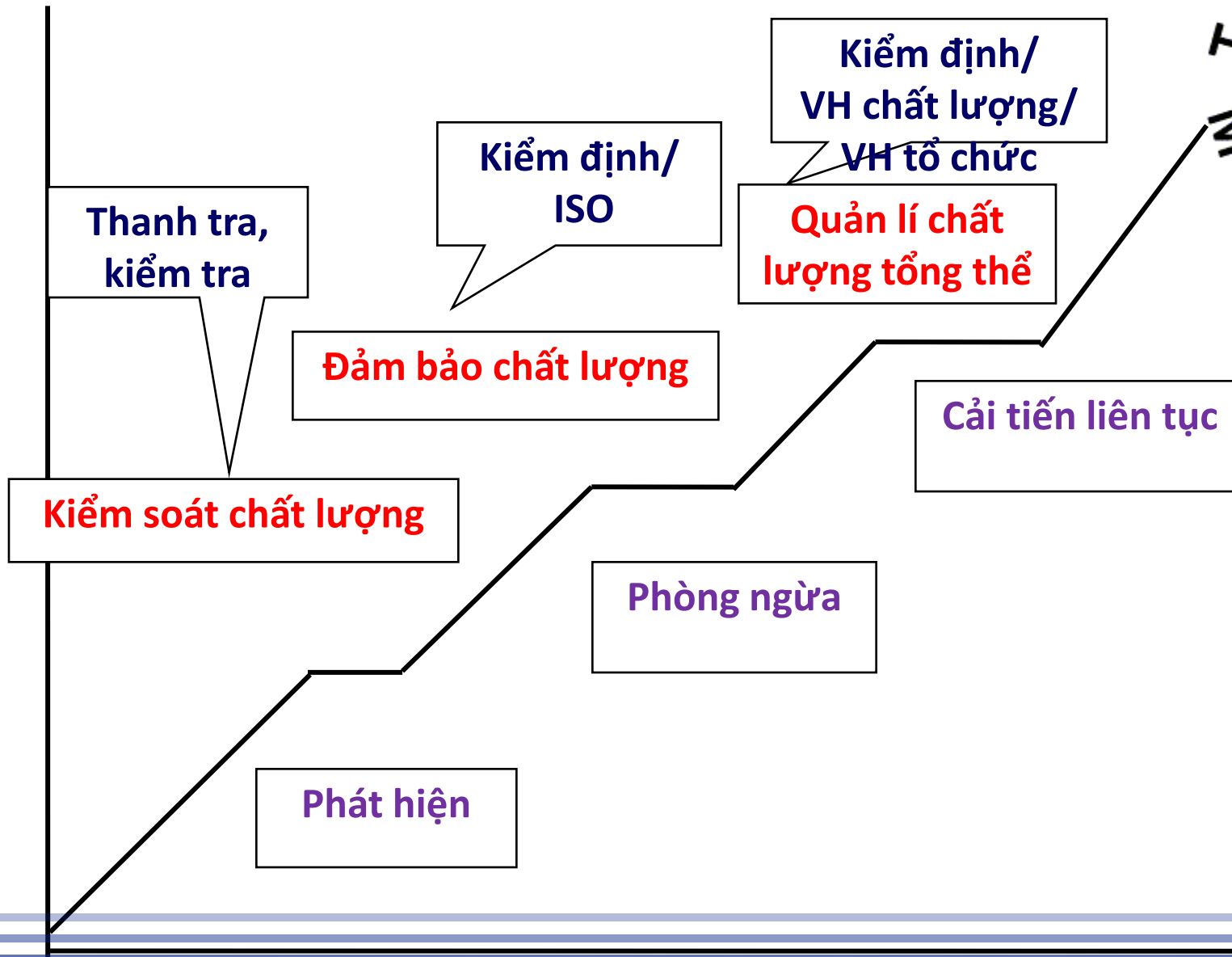


CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

(Khoản 4 Điều 60 Luật GDĐH 2012)

1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên;
2. Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập;
3. Phòng học, phòng làm việc, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, ký túc xá và các cơ sở dịch vụ khác;
4. Nguồn lực tài chính.

SƠ ĐỒ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

- ❖ Kiểm tra và loại bỏ các thành phẩm hay sản phẩm cuối cùng không thoả mãn các tiêu chuẩn đã đề ra trước đó.
 - **Lãng phí** vì phải loại bỏ hay làm lại các sản phẩm không đạt yêu cầu.
 - Chỉ **chấp nhận hay từ chối một sản phẩm**, chứ không có kế hoạch cải tiến hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm.



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

- Là quá trình xảy ra trước và trong khi thực hiện.
- Mỗi quan tâm của nó là phòng chống những sai phạm có thể xảy ra ngay từ bước đầu tiên.
- Chất lượng của sản phẩm được thiết kế ngay trong quá trình sản xuất ra nó, theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt đảm bảo không có sai phạm trong bất kỳ khâu nào.



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG (tt)

CHẤT LƯỢNG ĐẠT RA



ĐBCL



CƠ CHẾ QUẢN LÝ



QUÁ TRÌNH



PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC

CÁC NGUỒN LỰC



KSCL



SẢN PHẨM



KIỂM ĐỊNH CLGD

Khái niệm KĐCLGD:

“Kiểm định chất lượng là một quá trình xem xét chất lượng từ bên ngoài, được GDĐH sử dụng để khảo sát, đánh giá các cơ sở giáo dục và các ngành đào tạo nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng”

(CHEA, 2003)



ACCREDITATION



KIỂM ĐỊNH CLGD (tt)

Khái niệm KĐCLGD (tt):

“Kiểm định chất lượng là một quá trình đánh giá ngoài nhằm đưa ra một quyết định công nhận một trường đại học hay một chương trình đào tạo của nhà trường đáp ứng các chuẩn mực quy định”

(SEAMEO, 2003)



KIỂM ĐỊNH CLGD (tt)

Khái niệm KĐCLGD (tt):

“Kiểm định chất lượng CSGD là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ CSGD đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục”

(Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT)



KIỂM ĐỊNH CLGD (tt)

Đặc trưng (5):

- Kiểm định chất lượng có thể được tiến hành ở phạm vi trường hoặc chương trình đào tạo
- Kiểm định chất lượng không thể tách rời công tác tự đánh giá
- Quy trình kiểm định luôn gắn liền với đánh giá ngoài/đánh giá đồng cấp (peer review)
- Các chuẩn mực đánh giá có tính mềm dẻo để có thể phù hợp với các loại hình trường
- Không chỉ tập trung đánh giá các yếu tố đầu vào mà còn tập trung vào cả quá trình đào tạo và chất lượng sinh viên khi ra trường



KIỂM ĐỊNH CLGD (tt)

Mục tiêu (4):

- Kiểm định chất lượng nhằm góp phần đảm bảo và **nâng cao chất lượng giáo dục**
- Xác định **mức độ đáp ứng mục tiêu** đề ra trong từng giai đoạn nhất định
- **Làm căn cứ để giải trình** với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục
- Làm **cơ sở cho người học lựa chọn trường** và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực



KIỂM ĐỊNH CLGD (tt)

Kết quả kiểm định:

- Là một trong các tiêu chí để phân tầng và xếp hạng cơ sở giáo dục đại học (Điều 9 – Luật GDĐH);
- Làm căn cứ để xác định chất lượng GDĐH, vị thế và uy tín của cơ sở GDĐH, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; hỗ trợ đầu tư, giao nhiệm vụ; làm căn cứ để Nhà nước và XH giám sát hoạt động của cơ sở GDĐH (Điều 53 – Luật GDĐH).



KIỂM ĐỊNH CLGD (tt)

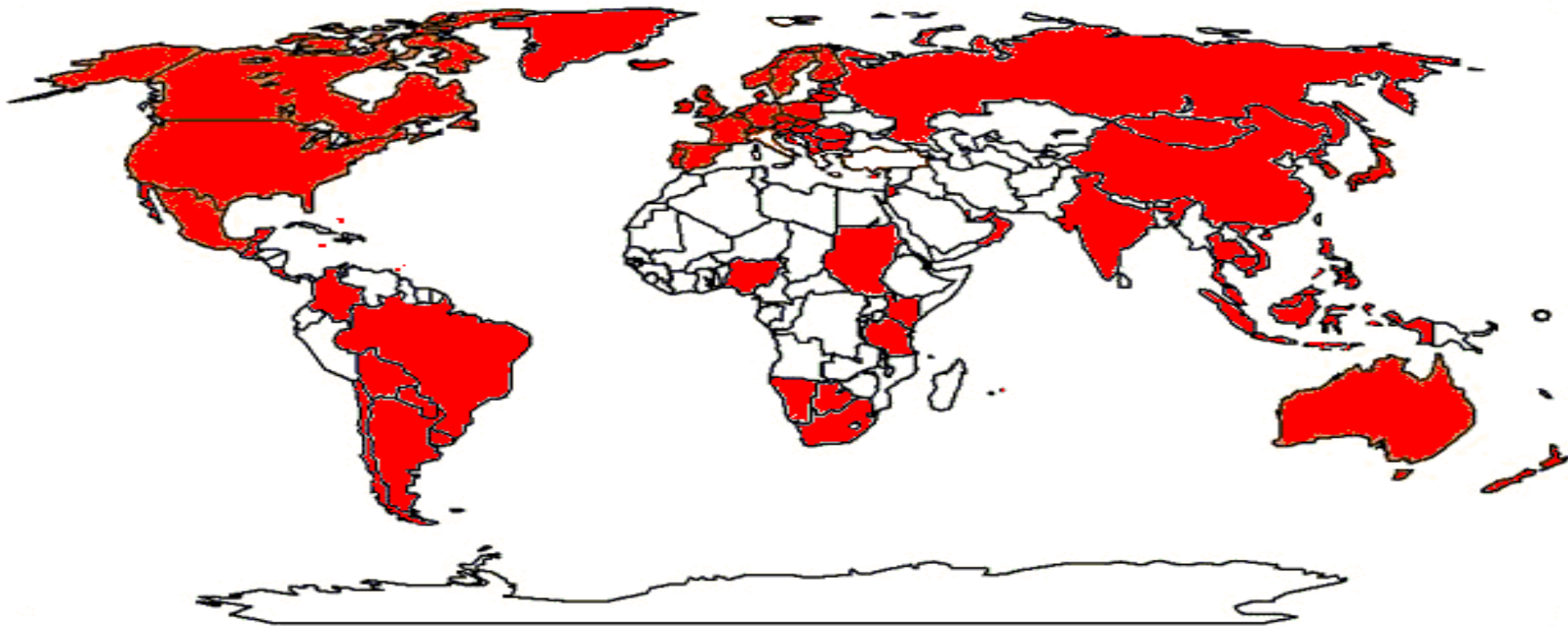
Để triển khai kiểm định, cần có:

- Quy định về hệ thống tổ chức kiểm định (Ai làm?)
- Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định (Làm như thế nào?)
- Quy định về bộ tiêu chuẩn (Dựa trên chuẩn nào để đánh giá, công nhận?)
- Các hướng dẫn nghiệp vụ...(Làm thế nào cho tốt?)



KIỂM ĐỊNH CLGD TRÊN TG

Có hơn 100 quốc gia, vùng lãnh thổ đó có tổ chức đảm bảo chất lượng, các tổ chức này rất đa dạng, nhiều nước có xu hướng thành lập 1 tổ chức quốc gia



KIỂM ĐỊNH CLGD (tt)

Sự đa dạng của các tổ chức:

- Sở hữu (của Nhà nước, của các hiệp hội hay các tổ chức, cá nhân khác),
- Tính phụ thuộc hay độc lập với Nhà nước (độc lập hoàn toàn với Nhà nước, độc lập trong việc đưa ra các quyết định chuyên môn nhưng vẫn nhận kinh phí của Nhà nước hay phụ thuộc hoàn toàn vào Nhà nước),
- Mô hình tổ chức,
- Đối tượng kiểm định (trường, chương trình, tất cả các cấp học hay chỉ giáo dục đại học,...),
- Bộ tiêu chuẩn đánh giá



ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA Ở ĐÔNG Á VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

	Thành lập và điều hành					Loại hình ĐBCL			Nguồn cấp kinh phí			Sự tham gia của quốc tế	
	Năm thành lập	Do nhà nước thành lập	Tổ chức các trường ĐH	Tổ chức độc lập	Có đại diện của nhà nước tham gia	Kiểm định	Kiểm toán	Đánh giá	Nhà nước	Các trường ĐH	Khác	Tại cơ quan kiểm định	Trong các đợt đánh giá ngoài
Australia	2000	x		x	x		x		x	x			x
Trung Quốc													
Cấp tỉnh	2000	x			x	x		x	x	x			
Hồng Kông	1990	x		x		x			x	x	x	x	x
Ấn Độ	1994	x		x		x		x	x	x			
Indonesia	1994	x		x		x			x	x			
Nhật Bản													
JUAA	1947		x	x		x				x			
NIAD	2000	x		U		x			x			x	
Hàn Quốc	1982	x		U	x	x			x				
Malaysia	1996	x		x		x				x			
Mông Cổ	2000	x			x	x				x			
New Zealand	1994		x	x			x			x		x	
Philippines													
AACCUP	1987	x		U	x	x			x				
PAASCU	1957		x	x		x				x			
Thailand	1999	x		U	x		x		x	x			

U - Tình trạng độc lập chưa được khẳng định.



Khái quát về công tác KĐCL ở Việt Nam



KĐCLGD Ở VIỆT NAM

❖ Về xây dựng văn bản

- Luật giáo dục 2005 (**Điều 17**), Nghị định 75
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục 2009 (**Mục 3a**), Nghị định 31
- Luật GDĐH 2012 (**Chương 7**)
- Các VBQPPL của Bộ trưởng về quy trình chu kỳ kiểm định trường, kiểm định chương trình; các bộ tiêu chuẩn đánh giá, quy định về KĐV, TCKĐCLGD.
- Các hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ



KĐCLGD Ở VIỆT NAM (tt)

❖ Về xây dựng hệ thống

- Cục KTKĐCLGD thành lập 2003
- Hiện nay, có trung tâm (bộ phận) chuyên trách về đảm bảo chất lượng tại:
 - 159 trường ĐH (ngoài ra còn 2 ĐHQG, 3 đại học vùng); 145 trường CĐ, 48 trường TCCN. Trong đó có 23/24 HV, trường của Bộ QP.
 - 63/63 Sở GD&ĐT (Phòng KT và QLCLGD).
 - Các bộ ngành có nhiều trường.



KĐCLGD Ở VIỆT NAM (tt)

❖ Về xây dựng hệ thống (tt)

- 02 Tổ chức KĐCLGD đã được thành lập năm 2013 và đã được cấp phép hoạt động ngày 04/11/2014 (VNU-CEA và VNUHCM-CEA).
- 07 khóa đào tạo KĐV đã được tổ chức với gần 300 người tham gia.
- Đã cấp thẻ KĐV cho 09 người đặc cách và 46 người đạt yêu cầu tuyển chọn đợt 1 năm 2014; đang chuẩn bị tuyển chọn đợt 2 năm 2014



KĐCLGD Ở VIỆT NAM (tt)

Kết quả triển khai TĐG và ĐGN (Cập nhật 30/9/2014)

	Tự ĐG	ĐG ngoài
<i>Cơ sở giáo dục</i>		
ĐH	188	40
CĐ	197	
TCCN	108	
<i>Chương trình đào tạo</i>		
GV THPT trình độ ĐH	100	12
SP KTCN trình độ ĐH	07	02
GV TH trình độ CĐ	10	04



KĐCLGD Ở VIỆT NAM (tt)

❖ Một số hạn chế, bất cập:

- Về nhận thức
- Về việc xây dựng các đơn vị chuyên trách và năng lực đội ngũ
- Về việc triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài
- Về việc thành lập tổ chức KĐCLGD
- Về kinh phí và hệ thống văn bản chỉ đạo, cơ chế, chính sách khuyến khích các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục



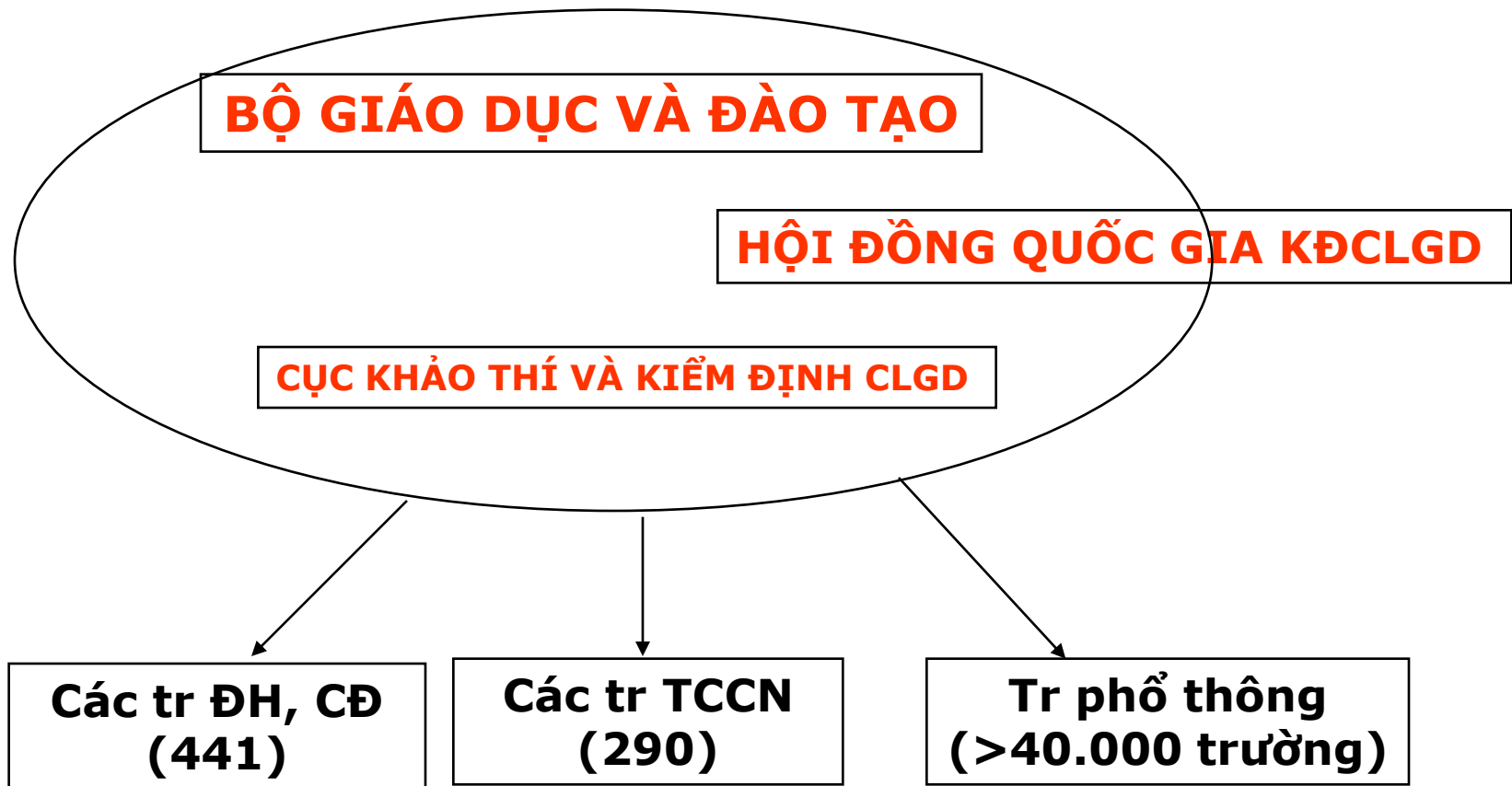
KĐCLGD Ở VIỆT NAM (tt)

- ❖ Sự thay đổi cách tiếp cận đối với kiểm định chất lượng giáo dục để đáp ứng yêu cầu của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục 2009 và Luật giáo dục đại học
 - Về quy trình, chu kỳ kiểm định;
 - Về việc thành lập và hoạt động của tổ chức KĐCLGD;
 - Cơ chế khuyến khích và các chế tài xử phạt...

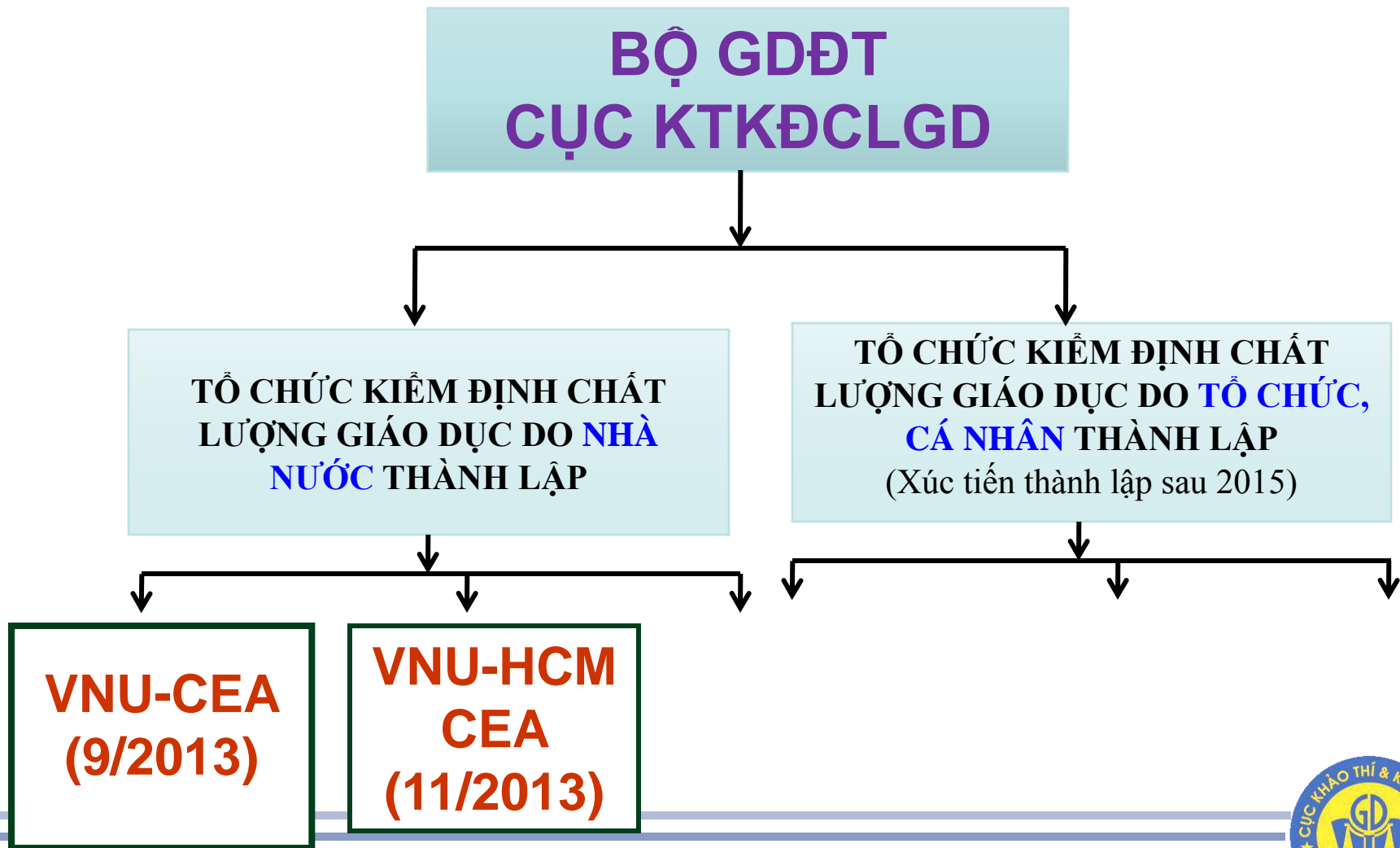


Sự thay đổi chủ trương của Bộ

Mô hình kiểm định cũ (theo QĐ 76/2007/QĐ-BGDĐT)



Mô hình kiểm định mới: (theo TT 61/2012/TT-BGDĐT)



Thay đổi quy trình kiểm định



- Quy trình cũ: Theo QĐ 76 và QĐ 29



- Quy trình mới: Theo TT 62 và TT 38

Quy trình kiểm định cũ (theo QĐ 76/2007/QĐ-BGDĐT)

Bộ trưởng Bộ GDĐT ký
quyết định công nhận

20 trường
ĐH 2009

HĐQG
Kiểm định
CLGD
thẩm định

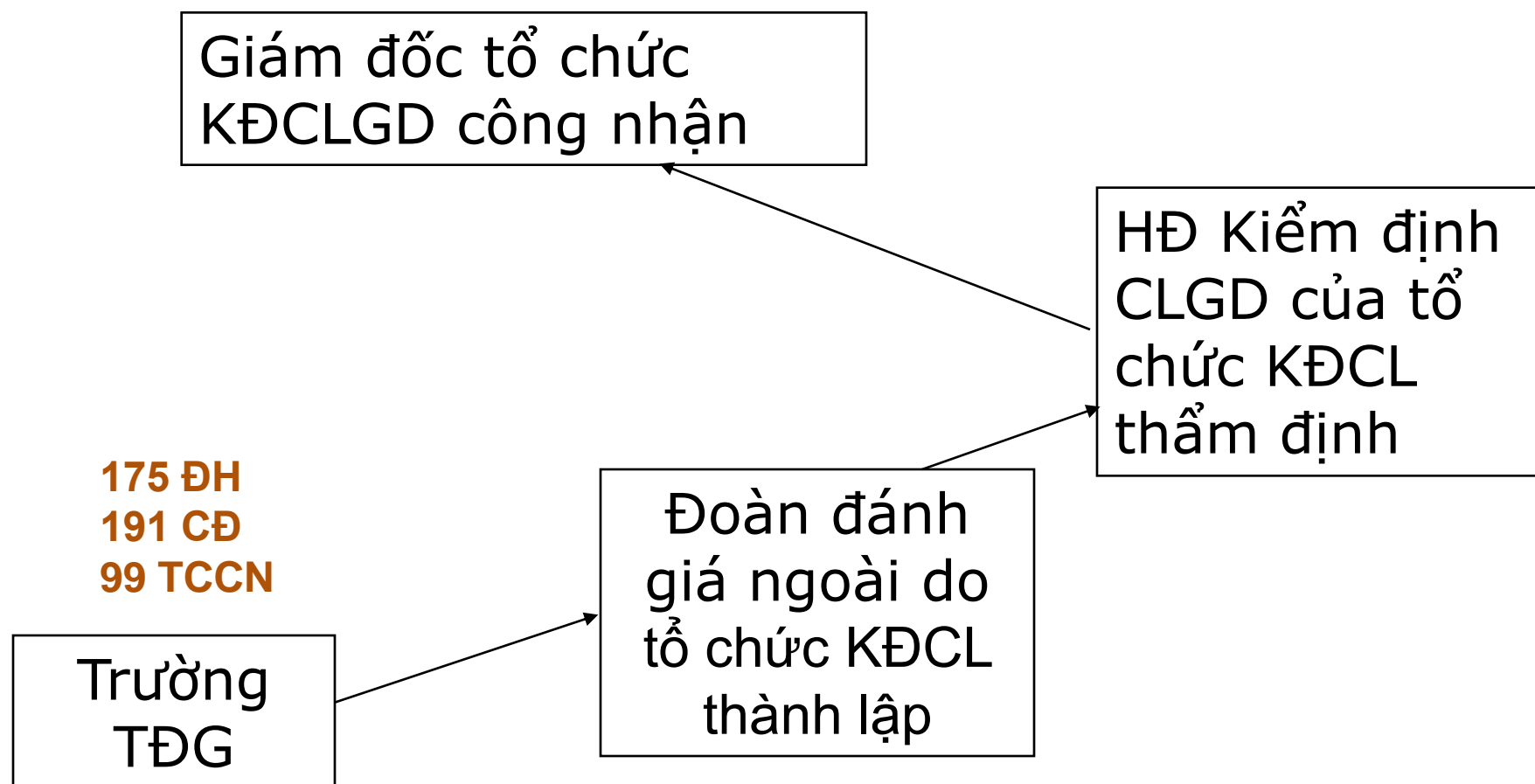
40 ĐH

2005-2009

Trường
TĐG

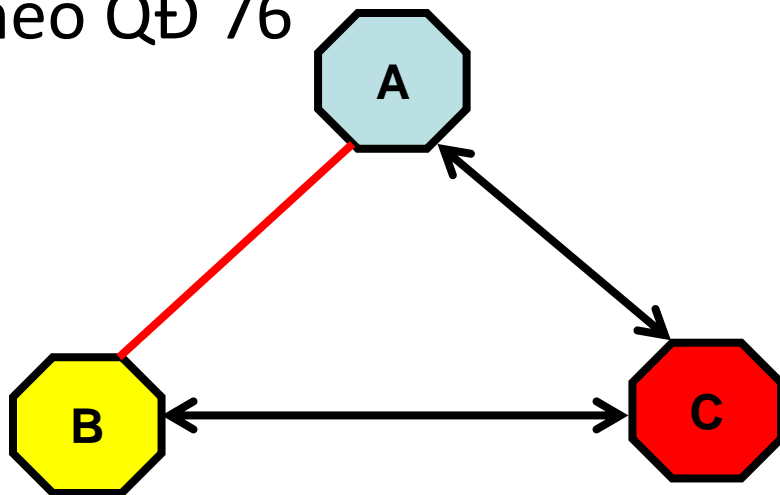
Đoàn đánh giá
ngoài do Bộ
trưởng Bộ GDĐT
thành lập

Quy trình kiểm định mới (theo TT 62/2012/TT-BGDĐT)



Sự thay đổi mối quan hệ 3 bên

- Theo QĐ 76

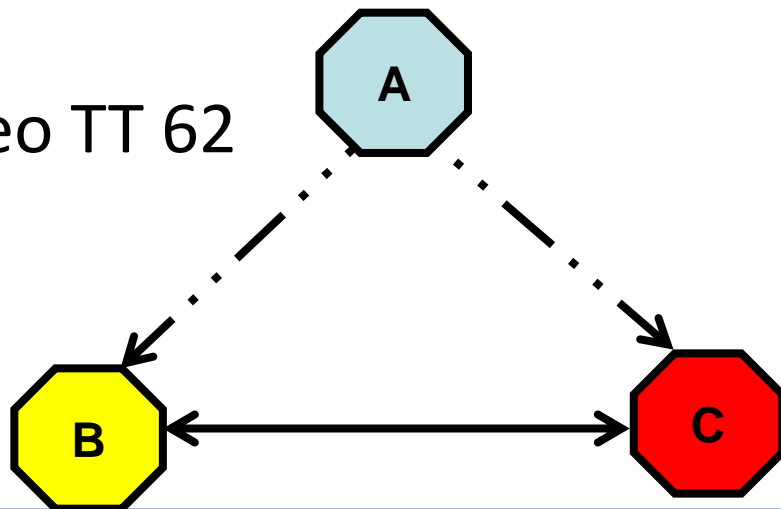


A: Cơ quan quản lí nhà nước về CLGD

B: Tổ chức kiểm định chất lượng

C: Cơ sở giáo dục - đào tạo

- Theo TT 62



Định hướng phát triển

1. Phát triển hệ thống ĐB và KĐCL

- Tiếp tục thành lập 01 tổ chức KĐCL GDĐH và TCCN trước năm 2015 (chuẩn bị các điều kiện pháp lý và cơ sở vật chất để thành lập 03 Tổ chức Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục MN, PT và TX trong năm 2015 và 2016).
- Từ năm 2016, từng bước hình thành đơn vị chuyên trách về KĐCLGD theo hướng tách cơ quan QLNN về KĐCLGD với đơn vị thực hiện KĐCLGD ở các địa phương.



Định hướng phát triển (tt)

2. Đẩy mạnh tiến độ đào tạo KĐV KĐCLGDĐH và TCCN để năm 2014 có ít nhất 200 KĐV, năm 2015 có ít nhất 300 và năm 2016 có ít nhất 400 KĐV.
3. Tiếp tục triển khai ĐGN và công nhận các CSGD đạt TC CLGD.
4. Khuyến khích các CSGD ở trong nước đăng ký đánh giá, kiểm định bởi các tổ chức đánh giá và kiểm định CLGD của khu vực và quốc tế: AUN, ABET, AACSB...



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Giải pháp chung

- Tiếp tục nâng cao nhận thức và mối quan tâm về vai trò của công tác ĐB và KĐCLGD của lãnh đạo và tập thể Cán bộ, GV.
- Cụ thể hóa các hướng dẫn về TĐG, ĐGN cho các trường. Tăng cường hội thảo, tập huấn, giới thiệu những điển hình tốt.
- Hình thành cơ sở dữ liệu về chỉ số thực hiện đối với các nhóm trường; Xây dựng bảng đối sánh về một số chỉ tiêu làm cơ sở cho việc viết báo cáo TĐG và ĐGN.



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (tt)

Những việc trường cần triển khai (6)

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường để từng bước hình thành văn hóa chất lượng; Kiện toàn đơn vị chuyên trách và tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách.
- Thu thập thông tin phản hồi về chất lượng dạy và học, tình hình việc làm của người học...



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (tt)

Những việc trường cần triển khai (tt)

- Tự đánh giá trường và chương trình đào tạo; tổ chức đánh giá đồng cấp; đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD;
- Thực hiện các kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng dựa trên kết quả đánh giá; duy trì cơ sở dữ liệu về KĐCLGD;
- Chủ động bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho các hoạt động ĐBCL;
- Cử người tham gia các khóa đào tạo KĐV





TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

